

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHỨNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỀN HẠ

Hán dịch: Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ty_ Đặc Tiên Thí Hồng Lô Khanh_ Túc Quốc Công, thực áp gồm ba ngàn hộ_ Ban áo tía tặng Tư Không, tên thụy là Đại Giám, tên hiệu chính là Đại Quảng Trí_ Chùa Đại Hưng Thiện_ Tam Tạng Sa Môn BẤT KHÔNG phụng chiếu dịch

Phục hồi Phạm Chú và Việt dịch: HUYỀN THANH

ĐẠI MẠN ĐỒ LA QUẢNG ĐẠI NGHI QUỸ_ CHI BA
(Vajra-dhātu-mahā-maṇḍala-vidhi-vistara)

Tiếp sẽ rộng nói **Nghi Quỹ Đệ Tử Kim Cương vào Kim Cương Đại Mạn Đồ La** (Vajra-dhātu-mahāmaṇḍale vajra-śiṣya-praveśādi-vidhi-vistara). Ở trong, trước tiên Ta nói khiến vào tận giới Hữu Tình không dư sót, bạt tế, lợi ích, an vui. Vì Nhân Quả của Tất Địa tối thắng cho nên vào **Đại Mạn Đồ La La** (Mahā-maṇḍala) mà chẳng cần lựa chọn là **Khí** (Pātra) hay **Phi Khí** (Apātra). Tại sao thế?

Thế Tôn! Hoặc có Hữu Tình gây tạo tội lớn mà kẻ ấy vào **Kim Cương Giới Đại Mạn Đồ La** (Vajra-dhātu-mahā-maṇḍala). Nhìn xong, vào xong thời sẽ **lia tất cả nẻo ác** (Sarvāpāya vigata)

Thế Tôn! Hoặc có Hữu Tình tham dục nhiễm dính các lợi và sự ăn uống ... tăng Tam Muội Gia ác mà làm nhóm **Tiên Hành** (Puras-caraṇa: hành đầu tiên) tùy ý yêu thích vào xong, ắt được **mãn tất cả ý nguyện** (Sarvāsā-paripūraka)

Thế Tôn! Hoặc có Hữu Tình **yêu thích** (Priya): **ca** (Gīta), **múa** (Nṛtya), **đùa giỡn** (Hāsyā), **ăn uống** (Āhāra), vật dụng quen thuộc. Do chẳng sớm gặp **Pháp Tính** (Dharmatā) hiện chứng của tất cả Như Lai cho nên vào **Thiên Tộc Mạn Đồ La** (Devakula-maṇḍala) khác thỏa mãn tất cả ý nguyện, nhiếp thọ vô thượng hay sinh yêu thích vui vẻ. Đối với Giới Cấm của tất cả **Như Lai Tộc Mạn Đồ La** (Tathāgata-kula-maṇḍala) thì sợ hãi chẳng vào. Vì kẻ ấy vào cửa lối **Đàn tế của nẻo ác** (Apāya-maṇḍala) nên vào **Kim Cương Giới Đại Mạn Đồ La** (Vajra-dhātu-mahā-maṇḍala) này sẽ khiến cho tất cả ưa thích **Tất Địa tối thắng** (Uttama-siddhi), an vui đẹp ý. Vì thọ dụng cho nên hay chuyển đường lối hiện tiền của tất cả nẻo ác

Thế Tôn! Lại có Hữu Tình trụ Chính Pháp vì tất cả chúng sinh cầu **Giới** (Śīla), **Định** (Samādhi), **Tuệ** (Prajñā), **Tất Địa tối thắng** (Uttama-siddhi), **phương tiện** (Upāya), **Phật Bồ Đề** (Buddha-bodhi) của tất cả Như Lai nên lâu dài mệt nhọc tu nhóm **Thiền Định Giải Thoát Địa** (Dhyāna-vimokṣa-bhūmi). Nhóm ấy vào Kim Cương Giới Đại Mạn Đồ La này. Vừa mới vào xong thì **tất cả Như Lai Quả** (sarva-tathāgata-tattva) còn chẳng khó huông chi là loại Tất Địa khác.

Tiếp nên trước hết dùng **bốn Lễ** lễ tất cả Như Lai. Toàn thân duỗi cánh tay, kết Kim Cương Hợp Chương, đem Tim Ngực để sát đất lễ phương Đông. Chân Ngón là:

“**Án, tát phộc đất tha nghiệt đa, bố nho** (mở góc miệng, Thần hô) **bả-tát-tha nã-gia đất-ma nam nễ-lị gia đa dạ nhĩ, tát phộc đất tha nghiệt đa, phộc nhật-la tát-đất phộc, địa sắt-xá, tát-phộc hàm**”

ॐ सर्वगतं पूजा पञ्चदशशतं उत्तरं यथा सर्वं गतं
वज्रसत्त्वस्यै नमः

OM – SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PASVANĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI – SARVA TATHĀGATA VAJRA-SATVA ADHIṢṬA SVĀMAM – HŪM.

Tức Kim Cương Hợp Chương lúc trước trụ trái tim, dùng trán lễ phương Nam.
Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bồ nhạ tỳ sai ca dã đát-ma nam, niết-lý dạ đa di, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la, la đát-na tỳ sãn già hàm, đát-lạc**”

ॐ सर्वगतं पूजा पञ्चदशशतं उत्तरं यथा सर्वं गतं
वज्रसत्त्वस्यै नमः

OM– SARVA TATHĀGATA-PŪJA ABHIṢAIKĀYA ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-RATNA ABHIṢIMCA MAM – TRĀḤ.

Tiếp Kim Cương Hợp Chương lúc trước an ở đầu, để miệng sát đất lễ phương Tây. Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bồ nhạ bát-la mặt-lật đa na dạ đát-ma nam, niết-lý dạ đa dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la đạt ma bát-la mặt lật-đa dạ, hàm**”

ॐ सर्वगतं पूजा प्रवर्तदशशतं उत्तरं यथा सर्वं गतं
वज्रसत्त्वस्यै नमः

OM– SARVA-TATHĀGATA-PŪJA PRAVARTTANĀYA ATMANĀM
NIRYĀTA YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-DHARMA PRAVARTTĀYA
MAM– HRĪH.

Tức Kim Cương Hợp Chương lúc trước để ngang trái tim, đặt đỉnh đầu sát đất lễ phương Bắc. Chân Ngôn là:

“**Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, bồ nhạ yết ma ni (hô nhẹ) a đát-ma nam, niết-lý dạ đa dạ nhĩ, tát phộc đát tha nghiệt đa, phộc nhật-la yết ma cú lỗ, hàm**”

ॐ सर्वगतं पूजा कर्मणि उत्तरं यथा सर्वं गतं
वज्रसत्त्वस्यै नमः

OM– SARVA-TATHĀGATA-PŪJA KARMAṆI ATMANĀM NIRYĀTA
YĀMI – SARVA-TATHĀGATA VAJRA-KARMA KURU MAM – AH.

Liên dùng góc vải dầy quấn quanh mảnh lụa đào, đem mảnh lụa đào che mặt khiến **Đệ Tử** (Śiṣya) kết **Tát Đỏa Kim Cương Án** (Sattva-vajri-mudrāṃ). Dùng Tâm này

“**Tam Ma Gia, tát đát-noan**”

समयं त्व

SAMAYAS TVAM

Thời dùng hai ngón giữa cầm vòng hoa. Dùng Tâm Chân Ngôn này khiến vào **Tam Ma Gia Hồng**

समया हू

SAMAYA HŪM

Nhập vào xong, nói lời này:

Bày Đại Mạn Đồ La xong thời dùng Kim Cương gia trì vào bình nước thơm rưới rót đỉnh đầu của Đệ Tử. Dùng Tâm Chân Ngôn này:

Phộc nhật la tỳ sấn già

ॐ वज्र (अव)

VAJRA ABHIṢIMCA

Thời tùy dùng một Ấn cột buộc vòng hoa, đem **Tiêu Xí** (Cihna: vật tiêu biểu) của mình an ở trong hai lòng bàn tay, tụng Tâm Chân Ngôn:

“A nễ-dã tỳ sắc yết-đa, tát đát-phộc ma tư một đại, phộc nhật la tỳ si yết đá, y nan đế, tát phộc bột đà đát-noan, cật lý hột-noa, phộc nhật la tô tát đà duệ, hồng, phộc nhật la địa ba đế đát-phộc ma, tỳ sấn già di đế sất-xá, phộc nhật la tam ma gia, tát đát-noan”

*)ADYĀBHIṢIKTAS TVAM ASI BUDDHAIR VAJRĀBHIṢEKATAḤ IDAN TE SARVA-BUDDHA-TVAM GRHṆA VAJRAṀ SUSIDDHAYE HŪM VAJRĀDHIPATI TVAM ABHIṢIMCA ME TIṢṬA, VAJRA-SAMAYAS TVAM

Thời dùng tên gọi Kim Cương, quán dùng Tâm Chân Ngôn này:

Ấn, phộc nhật la tát đát-phộc, tả ma tỳ sấn già nhĩ, phộc nhật la na ma, tỳ si yết đá, nễ phộc nhật-la ma ma

ॐ वज्रम वृक्षम (अव म वज्रम (अव नः व वज्रम

OM VAJRA-SATVA TVAM ABHIṢIMCA ME VAJRA-NĀMA ABHIṢEKATAḤ HE VAJRA-NĀMĀ.

Kim Cương (họ tên) nếu cho Đệ Tử thọ nhận danh hiệu thì nên nói giúp thêm, dùng để hô. Xong rộng nói Nghi vào tất cả Mạn Đồ La. Ất hỏi Đệ Tử rằng: **“Người yêu thích Xuất Sinh Tất Địa Trí u? Thần Thông Tất Địa Trí u? Trì Minh Tất Địa Trí u? Cho đến Nhất Thiết Như Lai Trí, Tối Thắng Tất Địa Trí u?”**

Tùy theo sự vui thích của kẻ ấy nên nói cho, ấ dạy **Nghĩa Lợi Tất Địa Thành Biện Ấn Trí** (Artha-siddhi-niṣpatti-mudrā-jñānam)

.)**Hình Kim Cương** (Vajra-bimba) trụ Tạng

Nên quán ở trong tim

Quán xong trụ nơi **đất** (Bhūmi)

Ất sẽ thấy **Phục Tàng** (Nidhi: kho tàng bị che lấp)

.)Quán hình Kim Cương xong

Rồi quán khắp trong không (hư không)

Nếu thấy tùy chỗ rơi

Ấy tức là Phục Tàng

.)**Hình Kim Cương ở lưỡi** (Jihva)

Bậc Trí nên quán đây

Nơi có lời mình nói

Nói xong thành chân thật

.)**Hình Kim Cương, tất cả**

Cần phải quán thân mình

Vào khắp vui ở đây

Nơi ấy là Phục Tàng

_Tâm Chân Ngôn của nhóm ấy là:

.)**Phộc nhật la nễ địa**

ॐ वज्र (अ

VAJRA NIDHI

.)La đất na nễ địa

ॠ ॡ ॢ ॣ

RATNA NIDHI

.)Đạt Ma nễ địa

ॠ ॡ ॢ ॣ

DHARMA NIDHI

.)Yết ma nễ địa

ॠ ॡ ॢ ॣ

KARMA NIDHI

_Tiếp, nên dạy **Kim Cương Tất Địa Thành Biện Ấn Trí** (Vajra-ṛddhi-siddhi-niṣpatti-mudrā-jñānam)

Kim Cương Nhập (Vajra-āviśa) sinh xong

Mới thành hình Kim Cương

Do quán mau thành tựu

Du hành trên mặt nước

Lại sinh **Kim Cương Nhập** (Vajra- āviśa)

Thân sắc như tự hình (hình của mình)

Tu tập nơi như vậy

Tự nhiên như hình Phật

Tùy vui tu tập xong

Ắt được **An Đạt Đát** (Icchatta: hiện trạng)

Kim Cương vào **Tự Kỷ** (chính mình)

Quán **tự** (mình) như Kim Cương

Cho đến nhảy vọt lên

Ắt du hành trên không

Chân Ngôn của nhóm như vậy là:

.)Phộc nhật la la nhạ.

ॠ ॡ ॢ ॣ

VAJRA-JALA

.)Phộc nhật la lỗ ba.

ॠ ॡ ॢ ॣ

VAJRA-RŪPA

.)Phộc nhật la ca xa.

ॠ ॡ ॢ ॣ

VAJRA-KOŚA

.)Phộc nhật la ma hàm

ॠ ॡ ॢ ॣ

VAJRAM-AHAM

_Tiếp, nên dạy **Kim Cương Trì Minh Tất Địa Thành Biện Ấn Trí** (Vajra-vidyā-dhāra-siddhi-niṣpatti-mudrā-jñānam)

.)Nên quán **hình tượng trắng** (Candra-bimba)

Vọt lên ở hư không

Tay vịn nắm **Kim Cương** (Vajra)

Được **Kim Cương Trì Minh** (Vajra-vidyā-dhāra)

.)Lên ở trên vành trăng
Nên quán **báu Kim Cương** (Vajra-ratna)
Bậc **tịnh thân** (Śuddhātmā) tùy **đục** (Icchati: ham muốn)
Sát na thành **đẳng không** (ngang bằng hư không)

.)Lên ở vành trăng xong
Tay cầm **sen Kim Cương** (Vajra-padma)
Nên quán **Kim Cương Nhân** (Vajra-netra)
Được địa vị **Trì Minh** (Vidyā-dhāra)

.)Trụ ở trong vành trăng
Nên quán **Nghiệp Kim Cương** (Karma-vajra)
Mau được **Kim Cương Xảo** (Vajra-viśva)

Ắt được các Trì Minh
Tâm Chân Ngôn của nhóm như vậy là:

.)**Phộc nhật la đạt la.**

ॐ ॐ ॐ

VAJRA-DHĀRA

.)**La đất na đạt la.**

ॐ ॐ ॐ

RATNA-DHĀRA

.)**Bá na ma đạt la.**

ॐ ॐ ॐ

PADMA-DHĀRA

.)**Yết ma đạt la**

ॐ ॐ ॐ

KARMA-DHĀRA

_Tiếp, nên dạy **Nhất Thiết Như Lai Tối Thắng Tất Địa Thành Biện Ấn Trí**
(Sarva-tathāgatottama-siddhi-niṣpatti-mudrā-jñānaṃ)

.)Trụ **các Kim Cương Định** (Sarva-vajra-samādhī)
Nghĩ nơi **Hư Không Giới** (Ākāśa-dhātu)

Tùy vui **thân Kim Cương** (Vajrātmā)
Sát na thành **Đẳng Không** (bay trên hư không)

.)Trụ **các Tịnh Đẳng Trì** (Sarva-śuddha-samādhī)

Tu tập nơi **tối thắng**
Đắc được **năm Thân Thông** (Pañcābhijñā)
Mau chóng **thành tựu Trí** (Jñānā-prasādhakāḥ)

.)Quán **Kim Cương Tát Đỏa** (Vajra-sattva)

Trần khắp **tất cả Không** (hư không)

Mau niệm bền **chắc** xong

Ắt làm **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra)

.)**Tất cả thành hình Phật** (Buddha-bimba)

Quán tưởng ở **hư không**

Do **chư Phật đẳng trì** (Sarva-buddha-samādhī)

Ắt được thành **Chính Giác**

Chân Ngôn của nhóm như vậy là:

.)**Phộc nhật la, phộc nhật la.**

ॐ ॐ ॐ ॐ

VAJRA VAJRA

.)Thuật đà, thuật đà.

सुद्ध सुद्ध

ŚUDDHA ŚUDDHA

.)Tát dát phộc, tát dát phộc.

सत्वा सत्वा

SATVA SATVA

.)Một đà một đà.

बुद्ध बुद्ध

BUDDHA BUDDHA

Như trên là **tất cả Tất Địa Trí Thành Biện** (Sarva-siddhi-jñāna-niṣpattayah)

_Tiếp, nên khiến Đệ Tử trì Pháp Kham Nhãn bí mật. Thoạt tiên nên tụng **Thệ Tâm Chân Ngôn** là:

Án, phộc nhật la tát dát-phộc, tát phộc diên đế nễ-gia, cật lợi na duệ, tát ma phộc tát thể đá niết ty nễ-dã, dát khát-xoa nam, dạ gia nễ-dã nễ, một-lỗ gia nễ nan na diêm

ॐ वज्रसत्वा स्वयं गच्छ हृदये समवस्थिता
निरभेद्या तत-कषणाम यय्याद यदि ब्रूयाद इदं नयाम

OM VAJRA-SATVA SVAYAM TEDYA HRDAYE SAMAVASTHITA
NIRBHEDYA TAT-KṢANAM YĀYĀD YADI BRŪYAD IDAN NAYAM

Ất báo lời như vậy: “*Ngươi chẳng nên vượt Thệ Tâm Chân Ngôn này. Đừng khiến người chiêu vờ tai họa, chết yểu mà đem thân này đọa vào Địa Ngục*”

Thờ nên dạy **Ấn Trí bí mật** (Rahasya-mudrā-jñānam) sinh **Kim Cương Nhập** (Vajrāveśa), dùng **Đẳng Dẫn** (Samāhita) rồi vỗ lòng bàn tay Kim Cương **nhỏ nhiệm** (Sūkṣma) trên đá núi, Kính Ái

Tiếp là **Kim Cương Phách Ấn** (Vajra-tāla-mudrā)

Vào **Nghi Kim Cương** (Vajra-vidhi) xong

Kim Cương Phộc Chưởng (Vajra-bandha-talaiḥ) đâm

Dùng **Pháp Vi Tế Chưởng** (lòng bàn tay nhỏ nhiệm)

Vào khắp trên đá núi

Dùng **Nhập Nghi** (Āveśa-vidhi) như trên

Duỗi giương **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)

Thắng Phách (vỗ thù thắng) nên phá nát

Sát na hoại trăm Tộc

Nghi Biến Nhập nhỏ nhiệm (Sūkṣmāveśa-vidhi)

Các ngón dùng **Đẳng Dẫn** (Samāhita)

Rồi giải Kim Cương Phộc

Hay đoạt thắng các khổ

_Tiếp, nên nói bí mật thành tựu nơi **Bà Già** (Bhaga) vào thân người nữ hoặc trượng phu. Tất cả tướng vào xong khiến duỗi khắp thân ấy.

Tâm Chân Ngôn của nhóm như vậy là:

.)Phộc nhật la phộc chiêm

वज्रवासा

VAJRA-VĀSA

.)Phộc nhật la vĩ xả

वज्रक्षि

VAJRĀVIŚĀ

.)Phộc nhật la ha na

ॐ ह्रस्व

VAJRA-HANA

.)Phộc nhật la ha la

ॐ ह्रस्व

VAJRA-HARA

Tức nên trao cho Tâm Chân Ngôn xong, dạy **bốn Trí Ẩn** (Catur-mudrā-jñānam) của **Bản Tôn mình** (Sva-kula-devatā). Dùng **Nghi Tắc** (Vidhi) này bảo Đệ Tử rằng: *“Người cẩn thận với người khác, chưa biết Ẩn này thì tất cả chẳng nên chỉ bày. Tại sao thế? Vì Hữu Tình ấy chẳng thấy Đại Mạn Đồ La lại tự ý kết nhóm ấy thời đều chẳng thành tựu, ắt sinh nghi hoặc, chiêu vờ tai họa, mau bị chết đọa vào Đại Địa Ngục Vô Giác, bị đọa vào nẻo ác”*

_Tiếp, nên nói **Nhất Thiết Như Lai Tát Đỏa Thành Tựu Đại Ẩn Trí** (Sarva-tathāgata-sattva-sādhana-mahā-mudrā-jñānam)

Từ **Tâm Trí** (Citta-jñāna) nên phát

Nên Quán **Kim Cương Nhật** (Vajra-sūrya)

Quán **mình** (Ātmanam) là **hình Phật** (Buddha-bimba)

Nên tụng **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu)

Do đây mới thành tựu

Được **Trí** (Jñānam), **thọ** (Āyur: tuổi thọ) **lực** (Bala: sức lực) **niên** (Varṣa: mùa mưa biểu thị cho một năm)

Được tất cả **Biển Hành** (Sarva-gāmi-tvaṃ)

Thể Phật (Buddha-tvaṃ) mới chẳng khó

Đây là **Ẩn Hiện Chứng Bồ Đề** (Abhisambodhi-mudrā) của tất cả Như Lai.

_Tiếp, nên nói **kết Kim Cương Tát Đỏa Thành Tựu Đại Ẩn** (Vajra-sattva-sādhana-mahā-mudrā-bandho)

Ngông lão (Sagarvaṃ) rút ném chày

Đặng Trì **Kim Cương Mạn** (Vajra-garvaṃ)

Thân khẩu tâm Kim Cương (Kāya-vāk-citta-vajra)

Thành Kim Cương Tát Đỏa

Do Ẩn **Biển Hành** (Sarva-gāmī) này

Các Dục (Sarva-kāma) sinh an vui

Thông Thọ (Ṛddhyāyur: sống lâu) **lực** (Bala: sức khỏe) **Thắng sắc** (Rūpāgrya: hình sắc đẹp đẽ)

Như Kim Cương Tát Đỏa

Dùng **ba Nghi Kim Cương** (Kāya-vāk-citta-vajra)

Như vẽ, thuận tu tập

Tiêu Xí (Cihna: vật tiêu biểu) Ẩn tương ứng

Thành tựu **Đại Tát Đỏa** (Mahā-sattva)

Nay Ta nói các Giáo

Năng Thành với Sở Thành

Điều thành tựu, **Đại Nghiệp** (Mahat-karma)

Nay Ta thứ tự nói

Mỗi ngày y theo Thời

Với nhóm **Tự Gia Trì** (Svādhiṣṭhāṇa)

Làm xong thành như sơ (ban đầu)
Sau đó nên tùy ý

_Tiếp, sẽ rộng nói **Nghi tắc Đại Ấn Thành Tụ** (Mahā-mudrā-sādhana-vidhi-vistaro)

Vào khắp Kim Cương (Vajrāveśam) xong
Đại Ấn (Mahā-mudrā) như **Nghi Tắc** (Vidhi)
Trước, thân cần phải kết
Suy tư Đại Tát Đỏa
Thấy **Trí Tát Đỏa** (Jñāna-sattva)
Nên quán ở thân mình
Câu triệu (Ākṛṣya) **dẫn vào** (Praveśya) **cột** (Badhvā)
Khiến vui làm thành tụ
Chân Ngôn của nhóm như vậy là:

.)**Phộc nhật la tát đát-phộc, ác**

𑖀𑖄𑖔𑖃𑖅𑖄

VAJRA-SATVA AḤ

Đây là **Kim Cương Biến Nhập Tâm** (Vajrāveśa-hṛdayam)

.)**Phộc nhật la tát đát-phộc, niết-ly xá đã**

𑖀𑖄𑖔𑖃𑖅𑖄𑖅𑖅𑖅𑖅

VAJRA-SATVA DRŚAYA

Đây là **Đại Tát Đỏa Quán Niệm Tâm** (Mahā-sattvānusmṛti-hṛdayam)

.)**Nhược hồng noan hộc**

𑖀𑖄𑖅𑖅𑖅𑖅

JAḤ HŪṀ VAM HOḤ

Đây là **Đại Tát Đỏa câu triệu, dẫn vào, cột buộc khiến cho Tâm vui** (Mahā-sattvākaraṣaṇa-praveśana-bandhana-vaśīkaraṇa-hṛdayam)

Tụng Tam muội gia tát đát-noan

𑖀𑖄𑖅𑖅𑖅𑖅

SAMAYAS TVAM

Vào khắp sau lưng rồi vành trăng

Ở trong nên quán tướng Tát Đỏa

Ngã **Tam Muội Gia Tát Đát Noan** (Samayas-tvam)

Tùy **Tát Đỏa Ấn** (Sattva-mudrā) ấy

Tu tập quán thân mình

Kim Cương Ngữ (Vajra-jāpa: Kim Cương niệm tụng) đã thành

Hay thành tụ các Ấn

Tụng Nhược Hồng Noan Hộc (JAḤ HŪṀ VAM HOḤ)

Trong thân vào chư Phật

Nên khéo léo suy tư

Khiến Đại Ấn thành tụ

_Nay Ta nói sự nghiệp

Kim Cương Nghiệp (Vajra-karma) vô thượng

Do **quán Phật** (Buddhānusmṛti: niệm Phật) thành tụ

Mau được **Tự Tính Phật** (Buddha-tvaṃ)
Thành **Tát Đồa Kim Cương** (Sattva-vajra)
Làm chủ tể các Phật

.)Do kết **Bảo Kim Cương** (Ratna-vajra)
Làm chủ tể các báu

.)Thành tựu **Pháp Kim Cương** (Dharma-vajra)
Át hay trì Phật Pháp

.)Do **Án Nghiệp Kim Cương** (Karma-vajriṇi)
Át làm **Kim Cương nghiệp** (Vajra-karma)

.)Thành **Kim Cương Tát Đồa** (Vajra-sattva)
Do kết **Tát Đồa Án** (Sattva-mudrā)

.)Hay triệu **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra)
Tương ứng **Kim Cương Triệu** (Vajrākaraṣa)

.)Đại **Án Kim Cương Nhiễm** (Vajra-rāga)
Hay nhiễm tất cả Phật

.)Khiến vui tất cả Phật
Do **Kim Cương Thiện Tai** (Vajra-sādhu)

.)Phụng thí **Phật quán đĩnh** (Buddhābhiṣeka)
Do **nghi** (Prayoga: thích hợp) **tắc Bảo Án** (Ratna-mudrā)

.)Mau làm **Kim Cương Quang** (Vajra-teja)
Do **nghi** (Prayoga: thích hợp) **Kim Cương Quang** (Vajra-teja)

.)Trì tập **Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu)
Át mãn tất cả nguyện

.)Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Tiểu** (Vajra-hāsa)
Cùng chư Phật cười giỡn

.)Trì **Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma) xong
Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma)

.)Được Thắng Tuệ của Phật
Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Lợi** (Vajra-Tiṅṣṇa)

.)Trì tập **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Át hay **chuyển Pháp Luân** (Dharma-cakra-pravartana)

- .)Thành tựu **ngũ ngôn Phật** (Buddha-vāk)
Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Ngữ** (Vajra-bhāṣa)
- .)Mau được **Nghiệp Kim Cương** (Vajra-karma)
Do làm **Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma)
- .)Lại mặc **Kim Cương Giáp** (Vajra-kavace)
Mau được **thân Kim Cương** (Vajra-kāya)
- .)Thành **Kim Cương Dược Xoa** (Vajra-yakṣa)
Như Kim Cương Dược Xoa
- .)Tất cả Ấn thành tựu
Do kết **Kim Cương Quyền** (Vajra-saṃdhi)
- .)Dùng **Kim Cương Hy Hý** (Vajra-lāśya)
Được **Đại Kim Cương duyệt** (Mahā-vajra-rati)
- .)Do kết **Kim Cương Man** (Vajra-mālā)
Theo Phật được quán đỉnh
- .)Tương ứng **Kim Cương Ca** (Vajra-gītā)
Được bài ca Kim Cương
- .)Do kết **Kim Cương Vũ** (Vajra-nṛtye)
Át cúng dường chư Phật
- .)Thích thăm đều tất cả
Do **Kim Cương Thiêu Hương** (Vajra-dhūpe)
- .)Tương ứng **Kim Cương Hoa** (Vajra-puṣpe)
Khiến kính các Quân Phạm
- .)Do Ấn **Kim Cương Đẳng** (Vajra-āloka)
Cúng dường được **con mắt** (Cakṣu)
- .)Hay trừ tất cả khổ
Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Hương** (Vajra-gandha)
- .)Do **Kim Cương Câu Triệu** (Vajra-aṃkuśa)
Hay làm các Thắng Nghiệp
- ._ Hay dẫn vào tất cả
Do **nghi Kim Cương Sách** (Vajra-pāśa-vidhi)
- .)Tương ứng **Kim Cương Tỏa** (Vajra-sphoṭa)
Gánh vác **tất cả Phộc** (Sarva-bandha: tất cả sự trói buộc)

.)Do **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Nhập** (Vajrāviśa)
Hay thành các **Biển Nhập** (Āviśa)

_Tiếp, nên nói **tất cả Như Lai Kim Cương Tam Muội Gia Trí Ấn** (Sarva-tathāgata-vajra-samaya-mudrā-jñānam)

Bền chắc kết **Hợp Chưởng** (Añjalim)

Các ngón trợ giao kết

Tên là **Kim Cương Chưởng** (Vajrāñjalih)

Cực kết **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha)

Các Tam Muội Gia Ấn (Sarva-samaya-mudrā)

Đều sinh Kim Cương Phộc

Nay Ta nói **Kết Nghi** (Bandham)

Kim Cương Kết vô thượng (Vajra-bandham anuttaram)

Bền **Tất Đỏa Kim Cương** (Sattva-vajra)

Dụng ngón giữa như **nanh** (Añkura: răng nanh giáng phục)

Đại (ngón cái) trung (ngón giữa) như **hình búa**

Ngón giữa rồi co ngược

Dời ngón như cánh sen

Ngón giữa nơi giao hợp

Ngón trợ phụ ngón giữa

Tên là Phật thứ năm

_Nay Ta nói khắp **Tam Muội Gia Thăng Ấn** (Samaya-grāhikā mudrā) của **Như Lai Tộc** (Tathāgata-kula)

Do **kết** (Bandham) làm thành tựu

Hai tay như **Nguyệt hình** (Candra-bimba: hình mặt trăng)

Ngón giữa như Kim Cương

Ngón khác chẳng dính mặt

Kim Cương Tất Đỏa Ấn (Vajra-sattva-mudrā)

Trỏ (ngón trỏ) móc giao thẳng chỉ (ngón giữa)

Do như thế búng tay

Kim Cương Tất Đỏa, bốn

Đây là nhóm Chúng Ấn

Bảo Kim Cương (Ratna-vajra) ngón trỏ

Hợp mặt ngón, co ngược

Ngón giữa, vô danh, út

Duỗi gương chuyển ngang tim

Ngón vô danh như phướng

Cùng hợp với ngón út

Lại trụ nơi **tiểu xứ** (Hāsa-sthāna: chỗ lúm đồng tiền)

Là tên Ấn nhóm ấy

Co ngón trỏ như sen

Ất **Kim Cương Kiếm** (Vajra-kośa) ấy

Hợp giữa (ngón giữa) co lỏng trên

Ất ấy tề vô danh (2 ngón vô danh để ngang bằng nhau)

Ngón út giao như Luân

Ắt cõi Đại Chỉ Phộc (sự cột buộc của ngón cái)
Duỗi giương từ miệng khởi
Hợp mặt ngón út, cái
Tập hội (Samājāt) Nghiệp Kim Cương (Vajra-karma)
Ắt ấy tề đầu chỉ (2 ngón trở ngang bằng nhau)
Trụ tim rồi duỗi giương
Cong ngón trở như **Nanh** (Daṃṣṭra: răng nanh)
Ngón út lại như thế
Giữa ngón cái, ngón út
Co ngón trở trên đây
Nơi tim, tề đại chỉ (2 ngón cái ngang bằng nhau)
Duỗi cánh tay là **Man** (Mālinī)
Nâng chưởng (lòng bàn tay) từ miệng buông
Tác **Vũ** (Nṛtya) hợp trên đỉnh
Dưới Kim Cương Phộc, **thí** (Dāna: ban cho)
Ngay chưởng (lòng bàn tay) hiển bên trên
Ngang ngón trở ép nhau
Duỗi giương như **Đồ Thế** (Lepana: thế xoa bôi dầu)
Do co một ngón trở
Hai ngón trở kết buộc
Đầu ngón cái như **Tỏa** (Granthi: cái then cửa)
Như **Kim Cương Quyền** hợp
Nay Ta nói hay thành
Kim Cương thành (Vajra-sādhanam) tối thắng
Tự Ấn trụ ở tim
Tát Đỏa Kim Cương Định (Vajra-sattva-samādhi)

Tiếp nói làm sự nghiệp
Kim Cương Nghiệp Vô Thượng (Vajra-karma anuttaram)
Kim Cương Giới Đẳng Ấn (Vajra-dhātvaḍi-mudrā)

Do tập hội Như Lai
Đàn Sư (Maṇḍalācārya) nơi **Đệ Tử** (Śiṣya)
Sát na (Kṣaṇa) thành **gia trì** (Adhiṣṭhāna)
Kết **Tát Đỏa Kim Cương** (Sattva-vajra)
Ắt thành **Trì Kim Cương** (Vajra-dhāra)

Vừa kết **Kim Cương Câu** (Vajrāṃkuṣa)
Hay triệu tất cả Phật

Vì **Nghi** (Prayoga: thích hợp) **Dục Kim Cương** (Rāga-vajra)
Mới nhiệm **bạc Đẳng Giả** (Buddham)

Do **Kim Cương Hoan Hỷ** (Vajra-tuṣṭi)
Tiếng **Thiện Tai** (Sādhu: lành thay!) đều vui

Do kết **Bảo Kim Cương** (Ratna-vajra)
Theo Phật được quán đỉnh

Do kết **Kim Cương Nhật** (Vajra-sūrya)
Như Phật được **viên quang** (Prabhopama)

Trì **Kim Cương Tràng** (Vajra-ketu) xong
Ắt mãn tất cả Nguyên

Vì **nghi** (Prayoga) **Kim Cương Tiểu** (Vajra-hāsa)
Cùng **các Phật đẳng** (sarva-buddhaiḥ) cười

Trì **Ấn Kim Cương Pháp** (Vajra-dharma-mudrā)
Ngang đồng **Pháp Kim Cương** (Dharma-vajra)

Trì khấp **Kim Cương Kiếm** (Vajra-kośa)
Được bậc Tuệ Cứu Thế

Trì tập **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Ắt hay chuyển Pháp Luân

Do **Kim Cương Ngũ** (Vajra-bhāṣa) nên
Thành tựu lời **Kim Cương** (Vajra-vāk)

Trì khấp **Nghiệp Kim Cương** (Karma-vajra)
Ngang đồng **Kim Cương Nghiệp** (Vajra-karma)

Bền làm **Kim Cương Hộ** (Vajra-rakṣa)
Thành thân như Kim Cương

Thắng Ấn Kim Cương Nha (Vajra-damṣṭrāgra-mudrā)
Hay đập phá Ma ác

Bền kết **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi)
Thuận phục **các Khế Ấn** (sarva-mudrām)

Do **Hý** (Lāśya) được vui thích
Do **Ngũ** (Bhāṣa) lời đủ uy
Được cúng vì do **Vũ** (Nṛtya)
Phân Hương (Dhūpa) thấm ướt đời
Do **Hoa** (Puṣpa) sắc đoan nghiêm
Do **Đăng** (Dīpa) đời trong sạch
Do **Hương** (Gandha) được diệu hương
Kim Cương Câu (Vajrāmkuśa) **triệu** (Ākarṣa) được
Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) được vào
Kim Cương Tỏa (Vajra-sphoṭa) hay cột
Kim Cương Linh (Vajra-ghanṭa) vào **khấp** (Āviśa: biến nhập)

Nay Ta nói **Pháp Ấn** (Dharma-mudrā)
Phộc nhật la, nhạ nam thông Phật

वज्रं ज्ञानम्

VAJRA-JÑĀNĀM

Hay làm **Kim Cương Giới** (Vajra-dhātu) bền chắc

Tiếp nữa, nay Ta sẽ nói khắp

Pháp Ấn (Dharma-mudrā) Thắng Khế **như Bản Nghi** (Yathā-vidhi)

Tụng **Tam muội gia tát đát-noan**

समयसु त्वम्

SAMAYAS TVAM

Tất cả Ấn Khế làm **chủ tử** (Pati)

Tụng **na gia tát phộc** xong

नानया सु त्वम्

ĀNAYA STVAM

Liên hay câu triệu tất cả Phật

A học tô khư xung tụng xong

अहो सुखा

A HOḤ SUKHA

Nhiêm ái tất cả các Phật Đẳng

Sa độ, sa độ nói ra xong

सद्धु सद्धु

SĀDHU SĀDHU

Đều dùng **Thiện Tai** (Lành thay!) khiến vui vẻ

Tô ma ha đát-noan tụng xong

सुमाहासु त्वम्

SUMAHĀS TVAM

Ắt được tất cả Phật quán đĩnh

Lỗ bao nễ-dữu đa, nói xong

रूपो ज्योतिः

RŪPA UDYOTA

Ắt được **Chính Pháp uy đức quang** (Sad-dharma-teja: hào quang uy đức của Chính Pháp)

Tụng **át tha bát-la ba đế**

अर्थ प्राप्ति

ARTHA PRĀPTI

Hay mẫn tất cả nguyện thù thắng

Ha ha hồng hác, tác **Tiểu** (Hāsa: nụ cười) đầy

हूँ हूँ हूँ हूँ

HA HA HA HŪM HAḤ

Đắc được Như Lai vi diệu tiếu (nụ cười vi diệu của Như Lai)

Tát phộc ca lý, tụng đầy xong

𑖀𑖄𑖂𑖄

SARVA KĀRI

Hay tịnh **Phi Pháp** (Adharma) đều trong sạch

Nậu khur xế na, tụng trì xong

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

DUḤKHA CCHEDA

Hay chặt tất cả khổ, Thọ Nghiệp (nghiệp phải chịu)

Bột đà mạo địa, nói đầy xong

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

BUDDHA BODHI

Nơi Mạn Đà La làm chủ tể

Bát la để nhiếp na , tụng xong

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

PRATISABDA

Cùng dự luận đàm với chư Phật

Tô phộc thủy đất-noan, tụng xong

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

SUVAŚI TVAM

Hành khắp tất cả mà tự tại

Nễ bà dã đất-noan, nói xong

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

NIRBHĀYA TVAM

Sát na ắt được **vô sở úy** (Nirbhaya: không có chỗ sợ hãi)

Tụng xả đất-lỗ bực khất xoa

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

ŚATRŪ BHAKṢA

Hay ăn tất cả điều oán địch

Tát phộc tất địa, tụng đầy xong

𑖀𑖄𑖂𑖄𑖄

SARVA SIDDHI

Đắc được tất cả Diệu Tất Địa

Ma ha la để được ưa thích

𑖀𑖄𑖂𑖄𑖄

MAHĀ-RATI

Lỗ ba du bệ cũng như vậy

𑖄𑖄𑖂𑖄𑖄

RŪPA ŚOBHE

Thất lỗ đất la táo khur được vui

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

ŚOTRA SAUKHYE

Tát bà bố thệ được cúng dường

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

SARVA PŪJE

Bát la ha la nễ nễ, thích

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

PRAHLĀDINI

Pha la nga nhĩ đặc được quả

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

PHĀLA GAMI

Tô đế nhạ ngật lý được quang (hào quang)

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

SUTEJA AGRI

Tổ hiển đāng nghĩ được diệu hương

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

SUGANDHA ANGI

A dạ hứ nhược thành câu triệu

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

ĀYAHĪ JAḤ

A hứ hồng hồng hay dẫn vào

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

ĀHĪ HŪṀ HŪṀ

Hệ tát phỏ tra noan, Đại đặc (được điều to lớn)

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

HE – SPHOṬA – VAṀ

Kiện tra ác ác khiến chấn động

𑖦𑖩𑖫𑖪𑖩

GHAṀṬA _ AḤ AḤ

Nay Ta nói **Pháp Ân** (Dharma-mudrā)

Thành tựu khiến thanh tịnh

Nơi **lưỡi** (Jihva), quán Kim Cương

Hay làm **các sự nghiệp** (Sarva-karmaṇi)

Tiếp nói **Yết Ma Ân** (Karma-mudrā)

Nên kết **Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi)
Đẳng Dẫn (Samāhita) rồi chia hai
Thành hai **Kim Cương Ấn** (Vajra-mudrā)

Tiếp ắt nói **Kết Phộc** (Bandha)
Tri làm **Kim Cương Chỉ** (Vajrāṅguli: ngón tay Kim Cương)
An tay phải ở trái (tay trái)
Ấn này tên **Giác Thăng** (Bodhāgrī)

Bất Động Phật (Akṣobhya) **Xúc Địa** (Bhūmi-sparśa))
Bảo Sinh (Ratna-sambhava) **Thí Nguyện Ấn** (Varadā-mudrā)
Vô Lượng Thọ (Amitājus) **Thăng Định** (Samādhyāgrā))
Bất Không (Amogha-siddhi) **Thí Vô Úy** (Abhaya-pradā)

Tiếp, nay nói khắp thứ tự **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrā)
Nhóm **Kim Cương Tát Đồa** (Vajra-sattva)
Hay chuyển **ngiệp Kim Cương** (Vajra-karma)
Tả (bên trái) mạn (ngao mạn) hữu (bên phải) rút ném

An trụ thế **Tri Câu** (Aṃkuśa-graha: cầm móc câu)
Tương ứng như **Xạ Pháp** (Vāṇa-ghaṭanā: Pháp bắn tên)

Thiện Tai (Sādhu) **trụ ở tim** (Hṛdi-sthitā)
Quán đỉnh (Abhiṣeka) **hai Kim Cương** (Dvi-vajram)

Ở **tim** (Hṛdi) bày hình **Nhật** (Sūrya)
Chỏ phải trụ quyền trái

Hai chưởng (lòng bàn tay) với ở miệng
Tả (Vāma: tay trái) **Liên** (Padma: hoa sen), **hữu** (tay phải) bóc mở

Tả (tay trái) tim, **kiếm** (Khaḍga: cây kiếm) **giết hại** (Māraṇa)
Xoay chuyển (Bhramita) như **hỏa luân** (Alāta-cakra: bánh xe lửa)

Kim Cương, nhị (2 tay) khẩu tán (bung bên miệng)
Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtya) xoay chuyển

Hai **Giáp** (Kapola: gò má) trụ ở **đỉnh** (Uṣṇīṣa)
Giáp Trụ (Kavaca) ngón út **Nha** (Daṃṣṭra: răng nanh)

Hai quyền cùng hợp nhau
Nên dùng **Kim Cương Mạn** (Vajra-garva)

Đỉnh lễ, ý run sợ
Cột Man (Mālā-bandha: cột vòng hoa) viết dưới miệng

Xoay chuyển **Kim Cương Vũ** (Vajra-nṛtya)
Dùng **nghi Kim Cương Quyền** (Vajra-muṣṭi-prayoga)

Nên hiến nhóm **Thieu Hương** (Dhūpa)
Tất cả Phật cúng dường (Sarva-buddha-prapūjā)

Phân biệt **Ấn cúng dường** (Pūjā-mudrā)
Ngón út trợ nhau móc
Ngón trỏ như **thượng câu** (Kim Cương Câu bên trên)
Như **Sách**, hai như **Tỏa**
Lưng bàn tay ép nhau

_Nay Ta nói **thành tựu** (Sādhana) nhóm **tạo làm nghiệp Kim Cương** (Vajra-karma-kṛtā) ứng với **Yết Ma Kim Cương** (Karma-vajra) ở trái tim mà tu tập
Tiếp nói mọi loại nghiệp Kim Cương thuộc **Yết Ma Ấn** (Karma-mudrā)
Do kết **Trí Quyền Ấn** (Jñāna-muṣṭi-mudrā)
Hay vào khắp **Phật Trí** (Buddha-jñāna)

Do kết **A Súc Bệ** (Akṣobhya)
Đắc được không nghiêng động

Do kết **Bảo Sinh Ấn** (Ratna-saṃbhava-mudrā)
Hay **niếp thọ kẻ khác** (Parānugraha)

Do kết **Pháp Luân Ấn** (Dharma-cakra-mudrā)
Ất hay chuyển Pháp Luân

Do **Vô Úy thắng tốc** (Abhayāgryā)
Cho Hữu Tình **không sợ** (Abhaya)

Bền làm **Kim Cương Man** (Vajra-garva: Kim Cương Mạn)
Kim Cương Tát Đồa (Vajra-sattva) vui (Sukha)

Do **Kim Cương Câu Triệu** (Vajrāmkuśyā)
Sát na tập chư Phật

Kim Cương Tiễn (Vajra-vāṇa) khiến **niễm** (Rāga)
Mong thuận **Kim Cương Thê** (Vajra-bhāryā: vợ của Kim Cương)

Kim Cương vui chư Phật (Vajratuṣṭyā jināḥ)
Đều ban tiếng **Thiện Tai** (Sādhu: lành thay!)

Kết **Đại Kim Cương Bảo** (Mahā-vajra-maṇi)
Theo Thầy nhận quán đỉnh

Tri khắp **Kim Cương Nhật** (Vajra-sūrya)
Như mặt trời Kim Cương

Dựng **Kim Cương Tràng Phan** (Vajra-dhvaja)
Ất được tuôn **mưa báu** (Ratna-vṛṣṭi)

Trì khấp **Kim Cương Tiểu** (Vajra-smita)
Mau ngang bằng Phật cười

Trì khấp **Kim Cương Hoa** (Vajra-puṣpa)
Ắt thấy **Pháp Kim Cương** (Vajra-dharma)

Bền kết **Kim Cương Kiềm** (Vajra-kośa)
Hay **chặt tất cả khổ** (sarva-duḥkha chinna)

Trì khấp **Kim Cương Luân** (Vajra-cakra)
Hay chuyển nơi Pháp Luân

Hết thảy **lời Phật nói** (Buddha-vācanam)
Thành dùng **Kim Cương** Ngũ (Vajra-jāpa: Kim Cương niệm tụng)

Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtya) cúng dường
Mong khiến Phật thuận phục

Do mặc **Kim Cương Giáp** (Vajra-varma)
Được **Kim Cương bền thật** (Vajra-sāra-tvam)

Trì khấp **Kim Cương Nha** (Vajra-daṃṣṭra)
Mong Kim Cương hay hoại (Năng hoại Kim Cương)

Kim Cương Quyền (Vajra-muṣṭi) hay đoạt
Đắc được **Ấn thành tựu** (Mudrā-siddhi)

Kim Cương Hỷ (Vajra-lāsyā) được **ura** (Rati)
Kim Cương Man (Vajra-mālā) **diệu sắc** (Su-rūpa)
Kim Cương Ca (Vajra-gīta) **diệu ngữ** (Su-gīta: ca hát màu nhiệm)
Kim Cương Vũ (Vajra-nṛtya) khiến **thuận** (Vaśa: y theo)

Dùng **Hương** (Dhūpa) ý thích chọn
Dùng **Hoa** (Puṣpa) đoạt tất cả
Đặng (Dīpa) cấp lửa rục rở
Kim Cương Hương (Gandha) **diệu hương** (Su-gandha)

Kim Cương Câu (Vajrāmkuśa) hay **triệu** (Ākarṣa)
Kim Cương Sách (Vajra-pāśa) hay **dẫn** (Praveśa)
Kim Cương Tỏa (Vajra-nigaḍā) hay **cột** (Bandha)
Kim Cương Khánh (Vajra-ghaṇṭa) khiến **động** (Cala)

_ Nay Ta rộng nói **Nhất Thiết Ấn Đô Kết Nghi Tắc** (Sarva-mudrāṇam sāmānyā bandha-vidhi-vistara)

Trước hết nên **Kim Cương Phộc** (Vajra-bandha) đập vỡ trái tim mình, tụng Tâm Chân Ngôn là:

Phộc nhật la mãn đà, đát la tra

वज्रबन्धन

VAJRA-BANDHA TRĀṬ

Ất tất cả Ấn cột buộc nơi Kim Cương thuộc **thân khẩu tâm của mình** (Sva-kāya-vāk-citta) được tự tại

Liên kết **Kim Cương Biến Nhập Tam Muội Gia Ấn** (Vajrāveśa-samaya-mudrāṃ). tụng Tâm Chân Ngôn này: **Ác** (AḤ) ất thành biến **A Vĩ Xả** (Āviśa) như thân có gia trì, ất **Tam Muội Gia Ấn** (Samaya-mudrā) tưởng niệm **Đại Tát Đỏa** (Mahā-sattva), tụng Tâm Kim Cương Chân Ngôn này:

Ma ha tam muội gia tát đát-vô hàm

महासमयगतवहं

MAHĀ-SAMAYA SATVA-UHAM

Do Chân Ngôn này, **tất cả Ấn** (Sarva-mudrāṃ) đều thành tựu. Đây là **Nghi Tắc thành tựu rộng của tất cả Ấn** (Sarva-mudrā-vidhi-vistarah)

Ta nói **Đồ Quảng Nghi Tắc** (Sāmānyah sādhanā-vidhi-vistara). Thoạt tiên kết **Tự Ấn** (Sva-mudrā), kết dùng **Tự Ấn Tát Đỏa** (Sva-mudrā-sattva) quán thân mình, dùng Tâm Chân Ngôn:

Tam ma dữu hàm

समयहं

SAMAYA-UHAM

Ất Tự Ấn Tát Đỏa quán thân mình xong, dùng Chân Ngôn này gia trì

Tam ma gia tát đát-phộc địa sắt-xá tát-phộc hàm

समयगतधरशततपहं

SAMAYA-SATVA ADHIṢṬA SVAMĀM

Ất sau đó ứng thành tựu. Đây là **Nghi Tắc thành tựu** (Sādhana-vidhi-vistarah)

Tiếp nói, mới muốn cầu **nghĩa lợi thành tựu** (Artha-siddhim) dùng Chân Ngôn này:

Át tha tát địa

अथसिद्धि

ARTHA SIDDHI

Do Chân Ngôn này, tùy ý được **Kim Cương thành tựu** (Vajra-siddhim)

Tiếp nói **Kim Cương Tát Địa thành tựu** (Vajra-siddhim), dùng Tâm Chân Ngôn này:

Phộc nhật la, tát địa

वज्रसिद्धि

VAJRA SIDDHI

Tiếp nói **Trì Minh thành tựu** (Vidyā-dhāra-siddhim) dùng Tâm Chân Ngôn này:

Phộc nhật la, vĩ nễ-gia, đạt la

वज्रविद्याधारा

VAJRA-VIDYA-DHĀRA

Do đây, tùy ý liền được Trì Minh thành tựu.

Muốn cầu **Tối Thắng thành tựu** (Uttama-siddhi) dùng Ấn Chân Ngôn của mình sẽ cầu thành tựu.

Nay Ta nói tất cả đều ngay trong Kim Cương của **thân khẩu tâm** khiến làm như **Nghi Quỹ Kim Cương** (Vajrī-karaṇa-vidhi-vistara). Nếu ấn gia trì thông thả, nếu ý **muốn giải** (Muktukāmo) át dùng Tâm Chân Ngôn này khiến làm bền chắc. Chân Ngôn là:

“**Ấn, phộc nhật-la tát đất phộc, tam ma gia ma nỗ ba la gia, phộc nhật la tát đất phộc, đất vĩ nô ba để sắt xá , niết lý trước my bà phộc, tô đô sử dữu my bà phộc, tát phộc tát trăm my, bát la dã xa, tát phộc yết ma tố giả my, chất đa, thất lý được, củ lỗ, hồng, ha ha ha ha, hộc, bà già phạm , tát phộc đất tha nghiệt da, phộc nhật la, ma nhĩ, muộc già, phộc nhật lý, bà phộc, ma ha tam ma gia tát đất phộc, ác**”

ॐ वज्रसूय समयमनुपलय वज्रसूय वृषपतिष्ठ वृष मन्व सुगच्छ
मन्व मन्व ॥ सु मन्व सुपुत्र मन्व मत् (मङ्ग म सुयक मत् क म् सु व म्
व म् श्रीयं कु र्ं क क क क कः म् गत् मत् ग म् ग व व म् म् सु व व व व व
म म् समयम व ॥

*)OM-VAJRA-SATVA SAMAYAM ANUPĀLAYA – VAJRA-SATVA TVENA UPATIṢṬA – DRDHO ME BHAVA- SUTOṢYO ME BHAVA- ANURAKTO ME BHAVA- SUPUṢYO ME BHAVA SARVA SIDDHIM ME PRAYACCHA SARVA KARMASU CA ME CITTA ŚRĪYAM KURU HŪM HA HA HA HA HOḤ – BHAGAVAM- SARVA TATHĀGATA VAJRA, MĀ ME MUMCA VAJRĪ BHAVA MAHĀ-SAMAYA-SATVA ĀḤ.

Do Chân Ngôn này, giả sử gây tạo tội Vô Gián, phỉ báng tất cả Như Lai với **Chính Pháp** (Sad-dharma) của Đại Thừa Phương Quảng, làm tất cả việc ác... mong được thành tựu tất cả Như Lai Ấn. Do Thẻ bền chắc của Kim Cương Tát Đỏa cho nên đời này mau chóng tùy vui được tất cả thành tựu tối thắng cho đến đắc được **Tất Địa tối thắng** (Uttama-siddhi) của Như Lai.

Đức **Bà Già Phạm Nhất Thiết Như Lai Kim Cương Tát Đỏa** (Bhagavān sarva-tathāgata-vajrasattva) lại nói như vậy: “Nay Ta đều nói **Nghi Tắc Giải Thoát** (Mokṣa-vidhi-vistara) của **tất cả Ấn** (Sarva-mudrām). Từ mỗi một Ấn ấy sinh ra hết thảy tất cả Ấn. Đối với mỗi một Ấn ấy sẽ **cởi bỏ** (Muñca: giải) do Tâm Chân Ngôn này:

Phộc nhật la, mục
वज्र मुः
VAJRA MUḤ

Từ trái tim của mình, khởi **Kim Cương Bảo Ấn** (Ratna-vajri-mudrā) an ở nơi quán đỉnh, dùng **Thắng Chỉ** (Agraṅguli: ngón trỏ) tự quán đỉnh, chia bàn tay cột buộc vòng hoa ở cái đầu.

Tiếp, kết **Giáp Trụ** (Kavacaṃ), dùng Tâm Chân Ngôn này:

Ấn, phộc nhật la, la đất na, tỳ sẵn giả hàm, tát phộc mẫu nại-la mê, nại-lý chế củ lỗ, phộc la ca phộc chế na , noan

ॐ वज्र ॥ वृ ष्रि(ष्र व म् म् व् सु व् सु वृ (रु कु व व व व व व
OM – VAJRA-RATNA ABHIṢIMCA MĀM SARVA MUDRA ME DRDHI KURU, VAJRA-KAVACENA – VAM

“Án, tát phộc đát tha nghiệt đa, tát địa, phộc nhật la tam ma gia, để sắt-xá, ế sa đát-noan, đà la dạ nhĩ, phộc nhật la tát đát-phộc, hứ hứ hứ hứ, hồng”

ॐ स्रुत्तं नक्षत्रं स्रुत्तं वक्रं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं
OM SARVA-TATHĀGATA SIDDHA VAJRA-SAMAYA TIṢṬA
EṢATVĀM DHARA YAMI VAJRA-SATVA HI HI HI HI HŪM

Át mỗi mỗi lại bảo rằng: **“Chẳng được nói cho người khác”**, thòi tụng Tâm Chân Ngôn này. Trước hết đã vào xong, khai bạch tất cả Như Lai, kết Tát Đỏa Kim Cương Án, từ bên dưới hướng lên trên cõi bỏ. Dùng Tâm Chân Ngôn này:

“Án, cật-ly đô phộc, tát phộc tát đát-phộc lật-tha, tát địa nại đa, dã tha nỗ nga nghiệt tha xa đà-phạm, bột đà vi sái diêm, bố na la nga ma na dã đô, phộc nhật-la tát đát phộc, mục”

ॐ कृत्वाः स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं स्रुत्तं
ॐ वक्रं स्रुत्तं स्रुत्तं

*)OM- KRTOVAḤ SARVA SATVA-ARTHA SIDDHIRDATTA YATHA
ANUGĀGACCHATHAM BUDDHA-VIṢAYAM PUNARĀGAMANĀYATU –
OM VAJRA-SATVA MUKṢA MUḤ.

Như vậy đối với **Tam Muội Gia Thăng Án** (Samayāgryā-mudrā) của tất cả Mạn Đà La mà **tác làm** (Kartavya), **cởi bỏ** (Mukta)

KINH KIM CƯƠNG ĐỈNH
NHẤT THIẾT NHƯ LAI CHÂN THẬT NHIẾP ĐẠI THỪA
HIỆN CHÚNG ĐẠI GIÁO VƯƠNG
QUYỂN HẠ (Hết)

Hiệu chỉnh xong một Bộ gồm 3 quyển vào ngày 17/05/2016